

Số: 157 /KH- THNDT

An Thái, ngày 30 tháng 09 năm 2024

**KẾ HOẠCH**  
**Quản lý, thu chi tài chính năm học 2024 -2025**

Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 20/07/2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hải Phòng về việc quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng (gọi tắt là Nghị quyết số 02/NQ-HĐND);

Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hải Phòng về việc Sửa đổi, bổ sung Điều 3 Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 20/07/2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hải Phòng về việc quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng (gọi tắt là Nghị quyết số 08/NQ-HĐND);

Căn cứ Kế hoạch số 215/KH-UBND ngày 09/9/2022 của UBND thành phố Hải Phòng về việc thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 20/07/2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hải Phòng về việc quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng (gọi tắt là Kế hoạch số 215/KH-UBND);

Thực hiện Hướng dẫn liên sở số 86/HDLS-GDĐT-STC ngày 25/01/2024 của liên Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Tài chính về việc thực hiện thu, cơ chế quản lý thu chi theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng về việc sửa đổi, bổ sung Điều 3, Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND thành phố (gọi tắt là Hướng dẫn liên Sở số 86);

Thực hiện Công văn số 2533/SGDĐT-KHTC ngày 22/8/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc thực hiện các khoản thu trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo năm học 2024-2025; Công văn số 2773/SGDĐT-KHTC ngày 12/9/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo về tăng cường công tác quản lý các khoản thu trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo năm học 2024 -2025 sau cơn bão số 3 (bão Yagi).

Thực hiện Công văn số 2157/UBND-GDĐT ngày 19/8/2024 của UBND huyện An Lão về việc Quản lý các khoản thu, chi trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn huyện; Công văn số 2434/UBND-GDĐT ngày 13/9/2024 của UBND huyện An Lão về tăng cường công tác quản lý các khoản thu năm học 2024 - 2025 sau cơn bão số 3 (bão Yagi)

Thực hiện nhiệm vụ năm học, trường Tiểu học Nguyễn Đốc Tín xây dựng Kế hoạch quản lý, thu chi tài chính năm học 2024 - 2025 cụ thể như sau:

## I. MỤC ĐÍCH

Xây dựng Kế hoạch Quản lý tài chính năm học 2024 -2025 giúp nhà trường hoạch định mức thu – chi theo đúng tinh thần chỉ đạo văn bản các cấp, là cơ sở để công khai với cán bộ giáo viên, nhân viên và phụ huynh học sinh.

## II. YÊU CẦU

Việc thu, chi các khoản thu dịch vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục phải bảo đảm thu vừa đủ chi; chi đúng mục đích; mang tính chất phục vụ. Không nhất thiết thu đầy đủ các khoản thu tại Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 20/07/2022, Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân Thành phố Hải Phòng.

Hạch toán các khoản thu, chi và thực hiện công khai theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Kế toán và các quy định pháp luật hiện hành. Bảo đảm nguyên tắc thu, chi không được điều chuyển từ khoản thu này sang khoản thu khác.

## III. KẾ HOẠCH CỤ THỂ

### 1. Các khoản thu theo quy định:

#### 1.1. Dự toán NS cấp 2024

- Căn cứ vào Quyết định số 4789/QĐ-UBND ngày 21/12/2023 của Ủy ban nhân dân huyện An Lão về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2024 cho các phòng, ban, ngành, các xã, thị trấn và các đơn vị;

| TT  | Nguồn KP     | Số tiền       | Kế hoạch chi                                   |
|-----|--------------|---------------|------------------------------------------------|
| 1   | Không TX     |               |                                                |
| 1.1 |              | 187.000.000   | Chi mua sắm cơ sở vật chất, sửa chữa nhỏ       |
| 1.2 |              | 23.000.000    | Nâng cấp phần mềm kế toán, TS...               |
| 2   | Thường xuyên |               |                                                |
| 2.1 |              | 5.466.000.000 | Chi lương và các khoản theo lương              |
| 2.2 |              | 779.000.000   | Chi CMNV                                       |
| 2.3 |              | 515.000.000   | Cấp bổ sung BC có mặt + bổ sung biên chế thiếu |
| 2.4 |              |               |                                                |

#### 1.2. Dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục dạy học 2 buổi/ ngày

- Mức thu: 30.000đ/HS/tháng

| Tổng Số HS | Số HS cần miễn giảm | Số tiền thu/HS/tháng | Số tháng | Ghi chú |
|------------|---------------------|----------------------|----------|---------|
| 836        |                     | 30.000               | 9        |         |

- Nội dung chi

| Dầu việc                                                                | Ghi chú                                                 |
|-------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|
| Hỗ trợ điện nước                                                        | Ưu tiên hạng mục nào cần thiết trước sẽ thực hiện trước |
| Sửa chữa thường xuyên, hỗ trợ CSVC và các hoạt động giáo dục nhà trường |                                                         |

### 1.3. Quỹ vòng tay bè bạn

Thực hiện Kế hoạch số 125-KH/LN ngày 29/8/2023 của Thành đoàn - Sở giáo dục và Đào tạo Hải Phòng về việc triển khai phong trào “Kế hoạch nhỏ” giai đoạn 2023-2027; Kế hoạch số 05-KH/LN ngày 8/9/2023 của Huyện đoàn và Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện An Lão về việc triển khai phong trào “Kế hoạch nhỏ” giai đoạn 2023-2027;

- **Nguồn thu:** Quỹ được xây dựng từ việc HS quyên góp giấy vụn, phế liệu...hoặc tiết kiệm tiền ăn sáng 1000đ/tuần hoặc túi gạo nghĩa tình (01 bát gạo/tuần)...

Thu theo 02 đợt, đợt 1 tháng 11/2024, đợt 2 tháng 3/2025

- **Sử dụng nguồn thu:**

+ Trích nộp huyện đoàn 25%:

+ Tổ chức các hoạt động đội tại liên đội 75%

### 1.4. Bảo hiểm y tế học sinh

Thực hiện theo Công văn 2016/UBND-BHXH ngày 02/8/2024 của UBND huyện An Lão về việc triển khai thực hiện chính sách bảo hiểm y tế học sinh năm học 2024-2025 và Hướng dẫn số 293/BHXH ngày 06/8/2024 của BHXH huyện An Lão.

- **Mức thu/năm**

| TT | Độ tuổi, tháng        | Mức học thu/học sinh | Số HS tham gia | Ghi chú |
|----|-----------------------|----------------------|----------------|---------|
| 1  | Từ tháng 1-01/10      | 1.105.650đ           | 117            |         |
| 2  | Từ tháng 02/10- 01/11 | 1.031.940đ           | 12             |         |
| 3  | Từ tháng 02/11 -01/12 | 958.230 đ            | 14             |         |
| 4  | Từ 02/12              | 884.520 đ            | 641            |         |

- **Nội dung chi :**

| TT | Nội dung chi                                          | Ghi chú |
|----|-------------------------------------------------------|---------|
| 1  | Chuyển 100% tiền mua thẻ BHYT HS về BHXH huyện An Lão |         |

## 2 . Các khoản thu theo thỏa thuận với PHHS:

2.1. Các dịch vụ phục vụ hoạt động bán trú: *Theo nhu cầu đăng kí tự nguyện của PHHS*

### 2.1.1 Phục vụ ăn bán trú

**Dự kiến thu**

| <b>Học sinh Lớp 1,2,3,4,5</b> |              |
|-------------------------------|--------------|
| <b>Mức thu</b>                | <b>Số HS</b> |
| 29.000                        | 372          |

- Dự kiến chi ( Tính theo định mức 1 ngày/trẻ)

| <b>TT</b> | <b>Nội dung chi</b>                    | <b>Tỉ lệ %</b> | <b>Thành tiền</b> | <b>Tên nhà cung cấp thực phẩm/sữa</b>        |
|-----------|----------------------------------------|----------------|-------------------|----------------------------------------------|
| 1         | - Trả bên cung cấp bữa ăn/ ngày/372 hs | 100%           | 10.788.000        | Công ty cổ phần SX và DV thương mại Tâm Bình |

**2.1.2. Phục vụ hoạt động bán trú cho cá nhân học sinh**

**Mức thu:**

| <b>TT</b> | <b>Lớp</b> | <b>Số tiền</b> |
|-----------|------------|----------------|
| 1         | Lớp 1      | 250.000        |
| 2         | Lớp 2.3    | 200.000        |
| 3         | Lớp 4.5    | 150.000        |

**Dự kiến số tiền thu được: 77.550.000**

**Kế hoạch chi:**

100% mua sắm bổ sung trang thiết bị phục vụ bán trú ( mua sắm vật dụng dùng chung và đồ dùng cá nhân.

| <b>TT</b> | <b>Nội dung</b>                                                          | <b>Ghi chú</b> |
|-----------|--------------------------------------------------------------------------|----------------|
| 1         | Sửa chữa, bảo trì nhà cửa bán trú                                        |                |
| 2         | Mua bổ sung quạt, phản, chăn, ga phòng bán trú                           |                |
| 3         | Mua giấy vệ sinh, chổi lau, chổi quét, giặt chăn , ga phòng bán trú..... |                |

**2.1.3. Hỗ trợ phục vụ hoạt động chăm sóc bán trú**

- Dự kiến thu ( Tính theo định mức 1 tháng/trẻ)

| <b>Học sinh lớp 1,2,3,4,5</b> |              |                      |                    |
|-------------------------------|--------------|----------------------|--------------------|
| <b>Mức thu</b>                | <b>Số HS</b> | <b>Số tiền/tháng</b> | <b>Số tiền/năm</b> |
| 100.000đ/ HS/tháng            | 372          | 37.200.000           | 334.800.000        |

- Dự kiến chi ( Tính theo định mức 1 tháng/trẻ)

| <b>TT</b> | <b>Nội dung chi</b> | <b>Tỉ lệ %</b> | <b>Số tiền chi/tháng</b> | <b>Số tiền chi/năm</b> |
|-----------|---------------------|----------------|--------------------------|------------------------|
|-----------|---------------------|----------------|--------------------------|------------------------|

|   |                                                                                         |    |            |             |
|---|-----------------------------------------------------------------------------------------|----|------------|-------------|
| 1 | Nộp thuế vào ngân sách nhà nước                                                         | 2  | 744.000    | 6.696.000   |
| 2 | Chi quản lý của GVCN,                                                                   | 8  | 2.976.000  | 26.784.000  |
| 3 | Chi GV chăm ăn , trông trưa, Chi quản lý, phục vụ: BGH, tổ tài vụ, tổ văn phòng, bảo vệ | 90 | 33.480.000 | 301.320.000 |

**2.2. Dịch vụ trông giữ xe cho học sinh:** (Theo nhu cầu đăng kí tự nguyện của PHHS)

- Dự kiến thu

| Loại xe | Mức thu/tháng | Số HS có nhu cầu gửi xe | Số tháng dự kiến gửi xe | Ghi chú |
|---------|---------------|-------------------------|-------------------------|---------|
| Xe đạp  | 20.000        | 285                     | 9                       |         |

- Dự kiến chi:

| TT | Nội dung chi     | Tỉ lệ | Ghi chú |
|----|------------------|-------|---------|
| 1  | Trả công coi xe  | 70%   |         |
| 2  | CSVC             | 20%   |         |
| 3  | Nộp thuế dịch vụ | 10%   |         |

**2.3. Dịch vụ phục vụ nước uống cho học sinh**

| Mức thu/học sinh | Số HS đăng ký | Ghi chú |
|------------------|---------------|---------|
| 10.000/HS/ tháng | 836           |         |

- Dự kiến chi :

| TT | Nội dung chi                               | Ghi chú |
|----|--------------------------------------------|---------|
| 1  | Nộp trả công ty 100% thu tiền nước uống hs |         |

**2.4. Học thêm** (Theo nhu cầu đăng kí tự nguyện của PHHS)

**2.4.1. Mức thu:** (Thấp hơn hoặc bằng theo mức thu của Nghị quyết số 02/NQ-HĐND)

| TT | Học thêm | Mức thu/HS /tháng | Dự kiến Số HS có nhu cầu học | Số tháng dự kiến học |
|----|----------|-------------------|------------------------------|----------------------|
|----|----------|-------------------|------------------------------|----------------------|

|   |                                      |         |     |   |
|---|--------------------------------------|---------|-----|---|
| 1 | Kỹ năng sống 1.2.3                   | 80.000  | 487 | 8 |
| 2 | Tiếng Anh người nước ngoài 1.2.3.4.5 | 140.000 | 836 | 8 |
| 3 | Học tiếng anh tự chọn lớp 1,2        | 40.000  | 357 | 8 |
| 4 | Học toán tư duy cho lớp 4,5          | 80.00   | 321 | 8 |

#### 2.4.2. Mức chi ( Tính theo định mức 1 tháng)

| Danh mục                                                  | Nội dung chi                                                                                                   | Tỷ lệ chi |
|-----------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>Kỹ năng sống</b>                                       | <i>Nộp về công ty liên kết</i>                                                                                 | 73%       |
|                                                           | <i>Chi tại đơn vị : Chi nộp thuế, CSVC, hỗ trợ các hoạt động, Khen thưởng, Phúc lợi, Quản lý, phục vụ:</i>     | 27%       |
| <b>Tiếng Anh tự chọn</b>                                  | <i>Nộp về công ty liên kết</i>                                                                                 | 73%       |
|                                                           | <i>Chi tại đơn vị :<br/>Chi nộp thuế, CSVC, hỗ trợ các hoạt động, Khen thưởng, Phúc lợi, Quản lý, phục vụ:</i> | 27%       |
| <b>Tiếng Anh giao tiếp với giáo viên người nước ngoài</b> | <i>Nộp về công ty liên kết</i>                                                                                 | 80%       |
|                                                           | <i>Chi tại đơn vị :<br/>Chi nộp thuế, CSVC, hỗ trợ các hoạt động, Khen thưởng, Phúc lợi, Quản lý, phục vụ:</i> | 20%       |
| <b>Học toán tư duy</b>                                    | <i>Nộp về công ty liên kết</i>                                                                                 | 75%       |
|                                                           | <i>Chi tại đơn vị :<br/>Chi nộp thuế, CSVC, hỗ trợ các hoạt động, Khen thưởng, Phúc lợi, Quản lý, phục vụ:</i> | 25%       |

#### 2.5. Quản lý ngoài giờ sau giờ học chính thức

- Mức thu

| Thời gian trông ngoài giờ | Mức thu/thời gian trông ngoài giờ | Số giờ trông ngoài giờ/tháng | Số HS có nhu cầu trông ngoài giờ |
|---------------------------|-----------------------------------|------------------------------|----------------------------------|
| 01 giờ                    | 8.000đ/giờ/HS                     | 16 giờ                       | 836                              |

- Nội dung chi (Tính theo định mức 1 tháng)

|                                                                                                                                         |     |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|
| Nộp thuế                                                                                                                                | 2%  |
| Giáo viên trực tiếp quản lý HS ngoài giờ (sau thuế), Chi nộp thuế, CSVC, hỗ trợ các hoạt động, Khen thưởng, Phúc lợi, Quản lý, phục vụ: | 98% |

### 3. Các khoản dịch vụ (Do bên thứ 3 cung cấp)

Các khoản dịch vụ( do bên thứ 3 cung cấp) phục vụ trực tiếp hoạt động của học sinh : Sổ liên lạc điện tử, đồng phục, .....Nhà trường tuyên truyền hướng dẫn để cha mẹ học sinh chủ động lựa chọn nhà cung cấp và tự trên tinh thần Phụ huynh học sinh tự nguyện đăng ký các dịch vụ cho con.

## IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

### 1.1.Đối với hội đồng trường

- Hội đồng trường chịu trách nhiệm quyết định phương hướng hoạt động, kế hoạch tài chính, tài sản bảo đảm thực hiện các mục tiêu giáo dục, kế hoạch phát triển của nhà trường đã đề ra. Giám sát các hoạt động thu chi bám sát kế hoạch, công văn quy định của nhà nước và các cấp có thẩm quyền thực hiện đúng quy định của pháp luật, chế độ kế toán hiện hành .

### 1.2. Đối với Ban Giám hiệu

- Hiệu trưởng: là người chịu trách nhiệm chung và tổ chức thực hiện kế hoạch quản lý tài chính. Lập báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước Hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền về vấn đề tài chính, tài sản. Thực hiện xã hội hoá giáo dục, sử dụng hiệu quả các nguồn lực tài chính để phát triển Nhà trường.

\* Phó hiệu trưởng: Chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công.

- Ban Giám hiệu nhà trường hướng dẫn cán bộ, giáo viên nhân viên nhà trường thực hiện thu chi theo đúng quy định.

### 1.3. Đối với Ban đại diện Cha mẹ học sinh

Nhà trường phối hợp với Ban đại diện cha mẹ học sinh tuyên truyền tới phụ huynh học sinh toàn trường, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước về giáo dục, tuyên truyền tới phụ huynh.

### 1.4. Giáo viên, nhân viên:

Giáo viên: Thực hiện đúng quy định của nhà trường và các quy định khác của pháp luật, giáo viên chủ nhiệm tuyên truyền tới phụ huynh học sinh các văn bản theo quy định.

Nhân viên: Tùy theo vị trí việc làm, nhân viên thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định, kế hoạch và được sự phân công của Hiệu trưởng. Kế toán thực hiện các khoản thu, chi và thực hiện công khai theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Kế toán và các quy định pháp luật hiện hành.

Trên là toàn bộ kế hoạch quản lý, thu chi tài chính năm học 2024-2025

**Nơi nhận:**

- Phòng GD&ĐT (để báo cáo);
- Phòng TC – KH (để báo cáo);
- Lưu: VT.



**HIỆU TRƯỞNG**

**Đỗ Thị Liên**